

BẢN SẮC VÀ GIAO LƯU VĂN HÓA - TỪ GÓC NHÌN TRIẾT HỌC

BÙI THANH QUẤT (*)

Tóm tắt: Xét trong thực chất, cái tự nhiên Người thống nhất biểu hiện đích thực bản chất Người - đó là văn hoá. Bản sắc văn hoá của mỗi cộng đồng là sự hiện hình bản chất Người với những sắc thái riêng của cộng đồng đó. Văn hoá Việt Nam chứa đựng bản sắc dân tộc đậm nét, lắng đọng, tích tụ lại thành những giá trị truyền thống tốt đẹp. Theo tác giả, trước đây giữa các nền văn hoá luôn có sự đụng độ, song trong điều kiện hội nhập và toàn cầu hoá hiện nay, sự đối thoại và giao lưu giữa chúng trở thành một tất yếu để tồn tại và phát triển.

1. Văn hoá

Con người là động vật xã hội, bản chất của con người thể hiện ra trong mối quan hệ giữa mỗi người với người khác và với cộng đồng. Vì vậy, kết cấu trên hiện thực của một xã hội chính là thể hiện trong tổng thể bản chất này ở một không gian và một thời gian xác định.

Con người là một động vật thực tiễn, sống không thuần túy dựa trực tiếp vào những cái sẵn có của tự nhiên, mà từ cái tự nhiên sẵn có đó, thông qua hoạt động thực tiễn, tự tạo ra hiện thực riêng cho cuộc sống của mình; có thể gọi hiện thực được nó tạo ra đó là "giới tự nhiên thứ hai". Vì vậy, bản chất của con người thể hiện ra trong đời sống thực tiễn ở tự nhiên thứ hai này.

Con người là động vật có ý thức, sống và hoạt động trên cơ sở sự hiểu biết về bản thân và về đối tượng được nó tác động tới; nó lựa chọn một cách có ý thức và tự hiểu, tự chịu trách nhiệm về mục tiêu, thái độ và hành vi của mình trong quan hệ với bản thân và với đối tượng. Vì vậy, bản chất của con người còn hiện hình ở bình diện tinh thần của đời sống.

Con người là loài sinh vật duy nhất tồn tại và hoạt động với tư cách chủ thể của

bản thân mình và của tự nhiên; nó là đại diện cho toàn bộ tự nhiên. Trong một nghĩa xác định, có thể nói rằng, bản thân tự nhiên đã tự hiện hình trong chính sự tồn tại và hoạt động của con người; tự nhiên đã tự vận động và tự khẳng định mình thông qua đời sống của con người. Tuy nhiên, bản thân giới tự nhiên thì vĩnh hằng và vô tận, nhưng con người và loài người trên Trái Đất này thì có bắt đầu trong thời gian và có giới hạn trong không gian. Mặc dù thế, cái hữu hạn ấy vẫn cứ là hiện hình của cái vĩnh hằng và vô tận kia. Nhưng, chính vì là "hiện hình", là "tự khẳng định của tự nhiên thông qua đời sống của con người", cho nên có mức độ, có dấu mốc, có chuẩn mực cho hoạt động tái tạo tự nhiên bởi con người trong "giới tự nhiên thứ hai". Vì thế, ở đây, có thể nói tới sự tiến bộ, phát triển của bản thân hoạt động tái tạo đó. Thước đo của sự tiến bộ và phát triển này chính là *mức độ định hình bản chất Người* trong mối quan hệ giữa người với người, giữa người với cộng đồng, giữa người với tự nhiên trong tính chỉnh thể của mối quan hệ bao trùm là giữa đời sống tinh thần và không gian sống vật

(*) Phó giáo sư triết học, Đại học Quốc gia Hà Nội.

chất nói chung của con người và loài người.

Từ góc nhìn triết học, sự phân tích ba mặt đã nêu trên thực ra chỉ là sự phân tích được thực hiện đối với *một chỉnh thể thống nhất* - "cái tự nhiên thứ hai - cái tự nhiên Người", bởi trong cái tự nhiên ấy không thể tách bóc một cách máy móc thành những phần rời rạc nhau: cá thể hay cộng đồng, tự nhiên hay xã hội, tinh thần hay vật chất, mục tiêu hay hành vi... Xét trong thực chất, cái tự nhiên Người thống nhất ấy mới là cái biểu hiện đích thực bản chất Người. Chúng ta gọi đó là VĂN HOÁ. Nói như Hồ Chí Minh, "Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hàng ngày về mặc, ăn, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hoá. Văn hoá là sự tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn"(1).

Được hiểu như vậy, văn hoá có diễn trình của nó. Trong diễn trình ấy, xu hướng chung là văn hoá được mở rộng tầm vóc cả về không gian và thời gian. Tuy nhiên, *phương thức thực hiện* diễn trình này ở những giai đoạn lịch sử cụ thể lại mang tính *ngịch lý* trong bản thân nó, khi mà cá nhân hoặc cộng đồng này đã xâm hại tới lợi ích của cá nhân hoặc cộng đồng khác trong phương thức khẳng định bản chất Người của mình. Sự xâm hại ấy được coi là "có ích và hợp lý"(2) trong chừng mực được quy định bởi tính tất yếu khách quan của lịch sử, và khi đó, nó vẫn được coi là yếu tố hợp thành của văn hoá

xét trong *tính chỉnh thể* của sự phát triển loài người, thể hiện bản chất Người của con người và loài người *trong không gian và thời gian* ấy, dù rằng, xét trong mối quan hệ mang tính *bộ phận*, tức là đối với những cá nhân hoặc cộng đồng có lợi ích bị xâm hại thì cái "văn hoá" đó chỉ là văn hoá đối với kẻ xâm hại, nhưng là "phản văn hoá" đối với họ. Khi hiện thực lịch sử đã vượt khỏi giới hạn đó thì cái trước đây là "có ích và hợp lý" sẽ trở thành "có hại và phi lý", trở thành PHẢN VĂN HOÁ nói chung, trong quy mô nhân loại, chứ không chỉ riêng đối với các cá nhân hay cộng đồng có lợi ích bị xâm hại.

2. Bản sắc văn hoá

Lịch sử đã chứng thực rằng, loài người, để đến được loài người như hiện nay, đã phải trải qua nhiều nghìn năm vận động và phát triển, với nhiều cộng đồng người khác nhau, ở những vùng miền rất khác nhau cả về địa lý tự nhiên, cả về phương thức thoả mãn những nhu cầu sống của con người. Như thế, về mặt lịch sử, cái tự nhiên thứ hai - tự nhiên Người hay VĂN HOÁ không phải là cái được tạo ra một lần cho tất cả và cho mãi mãi, mà ở các cộng đồng khác nhau, với không gian sống khác nhau, nó đã được tạo ra theo những phương thức không giống nhau và vì vậy, diện mạo của nó cũng không hoàn toàn giống nhau ở các cộng đồng khác nhau. Nói về sự không giống nhau ấy cũng chính là nói về sự khác nhau trong bản sắc văn hoá của các cộng đồng. Nghĩa là, khi nói tới *bản sắc văn hoá* của mỗi cộng đồng là muốn nói rằng, mỗi cộng đồng đã hiện hình *bản chất Người* của mình trong những *sắc thái riêng*, được quy định bởi

(1) Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, t.3. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, tr.431 (Chúng tôi nhấn mạnh - B.T.Q)

(2) Theo cách nói của Aristotê: Xã hội chia thành chủ nô và nô lệ là có ích và hợp lý.

không gian sống với những điều kiện tự nhiên và lịch sử riêng của cộng đồng ấy

3. Đôi nét về bản sắc văn hoá của dân tộc Việt Nam

Trong mấy nghìn năm sinh thành của mình, cộng đồng dân tộc Việt Nam đã phải thích ứng với những điều kiện tự nhiên khắc nghiệt, đã phải trải qua những hoàn cảnh lịch sử éo le, có nhiều điều khác biệt so với các dân tộc khác, khiến cho *sắc thái thể hiện bản chất* (Bản sắc) của dân tộc Việt Nam có những nét riêng được lưu giữ, lắng đọng, tích tụ lại thành truyền thống - cái đã giúp cho chúng ta *luôn giữ được mình* trong những điều kiện khắt khe của lịch sử để tồn tại và phát triển cho tới hôm nay.

Cái mà chúng ta gọi là *bản sắc văn hoá* đó không phải là cái gì trừu tượng khó thấy, mà nó là điều *được hiển lộ ra trong đời sống hàng ngày* của mỗi người và cả cộng đồng, theo cách làm cho chúng ta có thể *thấy và phân biệt* được người Việt Nam với các cộng đồng dân tộc khác trên thế giới, từ nếp sống của mỗi thành viên trong gia đình với nhau đến cách ứng xử của cả dân tộc với các dân tộc khác; từ cách chế biến, thưởng thức món ăn đến những hoạ tiết hoa văn trong trang phục hay kiến trúc nhà ở hoặc nơi thờ tự; từ tình cảm yêu thương mẫu tử trong từng lời ru đến cách cư xử với kẻ thù khi trên chiến trận...

Không dễ gì nói kỹ và nói hết về bản sắc văn hoá của mỗi cộng đồng, dù đó là cộng đồng dân tộc Việt Nam, Trung Hoa, Nga hay bất kỳ một cộng đồng dân tộc nào khác trên thế giới. Tuy vậy, chúng ta vẫn có thể nêu đôi nét làm nổi rõ sắc thái thể hiện bản chất của dân tộc ta trong một số quan hệ xã hội dưới đây:

Việt Nam là đất nước của gần 60 dân tộc anh em cùng chung sống thuận hoà, đã

cố kết từ trong lịch sử thành một khối thống nhất làm nên sức mạnh cho dân tộc tồn tại và phát triển. Truyền thống ấy đã đưa tới quan niệm về nguồn gốc chung của các tộc người khác nhau trên dải đất Việt Nam, được thể hiện trong những truyền thuyết Đẻ Đất Đẻ Nước của người Mường hay Mẹ Âu Cơ của người Kinh với bọc trăm trứng nở ra trăm con, người theo cha xuống biển, người theo mẹ lên non để cùng nhau khai khẩn, trị vì đất nước này. Chính từ quan niệm nhân văn không phân biệt một cách đối lập kẻ Kinh người Thượng như vậy mà các tộc người ấy luôn nhắc nhở nhau " Bầu ơi thương lấy Bí cùng, tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn", và trong hoàn cảnh nào đi nữa thì người Việt Nam cũng biết "Nhiều điều phủ lấy giá gương, người trong một nước phải thương nhau cùng". Về mặt tâm linh, từ xa xưa, bắt rễ sâu trong lịch sử, các cộng đồng khác nhau trên đất này cũng đã quan niệm có một ngày giỗ Tổ chung - giỗ Tổ Hùng Vương: "Dù ai buôn bán gần xa, nhớ ngày giỗ Tổ tháng 3 mùng 10", "Dù ai buôn đâu, bán đâu, nhớ ngày giỗ Tổ rủ nhau mà về". Đây là những nét văn hoá đặc sắc xét trong mối *quan hệ giữa các tộc người* khác nhau trong đại gia đình dân tộc Việt Nam. Nét văn hóa đó đã góp phần tạo nên sức mạnh cho sự tồn tại lâu bền của dân tộc ta, dù là trong công cuộc chinh phục thiên nhiên khắc nghiệt để dựng nước, hay trong khói lửa chiến tranh ác liệt chống ngoại xâm để giữ nước. Hiện nay, có những thế lực đen tối đang muốn xoá bỏ nét văn hoá này, âm mưu chia rẽ các tộc người khác nhau trong cộng đồng dân tộc Việt Nam thống nhất. Việc làm ấy không có gì khác hơn là muốn xoá bỏ phương thức tồn tại của dân tộc Việt Nam. Đây không phải là cái gì mới, bởi không ít

lần trong lịch sử, những kẻ ngoại bang đã muốn làm như vậy trong chủ trương "chia để trị" của chúng, hòng làm suy yếu đi sức sống của dân tộc ta để chúng dễ bề cai trị. Đối với chúng ta, đó chính là hiện tượng phản văn hoá đã và đang cần phải loại trừ để có thể giữ gìn được nét đẹp truyền thống cùng sức sống nhân văn của dân tộc.

Ở *quan hệ giữa mỗi người với những người khác* trong cộng đồng, chúng ta thấy, cũng do hoàn cảnh lịch sử xã hội và thiên nhiên khắc nghiệt của mình mà truyền thống nhân ái của dân tộc Việt Nam đã được khắc họa trong lối sống: "lá lành đùm lá rách", "thương người hơn cả thương thân", "uống nước nhớ nguồn", "ăn quả nhớ kẻ trồng cây", "lộc bất tận hưởng",...

Trong *quan hệ giữa con người với cộng đồng*, nét văn hoá Việt Nam được thể hiện thành "tình làng nghĩa xóm", "bán anh em xa, mua láng giềng gần", "tắt lửa tối đèn có nhau", "một câu nhin là chín sự lành" - thể hiện truyền thống tình nghĩa, dung hoà một cách chủ động...

Trong *gia đình*, truyền thống văn hoá ấy đặc biệt được biểu hiện ở nếp sống và nếp nghĩ: về quan hệ cha mẹ với con cái - "con hơn cha là nhà có phúc", "phúc đức tại mẫu", "cha sinh mẹ dưỡng"; trong quan hệ vợ chồng - "thuận vợ thuận chồng biển Đông tát cạn, thuận bề thuận bạn tát cạn biển Đông", "của chồng công vợ", "xấu chàng hổ ai"; trong việc giữ gìn nề nếp gia phong "giấy rách phải giữ lấy lề", "đói cho sạch, rách cho thơm",...

Trong *quan hệ với thiên nhiên*, người Việt Nam "mong cho chân cứng đá mềm", "trông cho trời yên biển lặng", nhưng họ cũng rất thực tiễn: "có thực mới vực được đạo", "được mùa chớ phụ ngô khoai",...

Để thành người, người Việt Nam hiểu rằng: "Không thầy đố mày làm nên", "muốn sang thì bắc cầu kiều, muốn con hay chữ thì yêu lấy thầy"; cha mẹ cũng dạy con học làm người: "ông sáu mươi học ông sáu mốt", bởi "hơn một ngày, hay một nhẽ", "bảy mươi tuổi chưa què chớ vội khoe là lành",...

Trong *quan hệ chính trị - xã hội*, với một đặc thù lịch sử dân tộc là đã hàng ngàn năm người dân phải sống trong cảnh thống trị của chính quyền ngoại bang nên họ hiểu: "quan nhất thời, dân vạn đại", "quan có cần nhưng dân chưa vội, quan có vội quan lợi quan sang", thậm chí "con ơi nhớ lấy câu này: cướp đêm là giặc, cướp ngày là quan".

Ngay cả *trong quan hệ với kẻ thù*, bản sắc văn hoá ấy cũng đã được trau chuốt thành "đánh kẻ chạy đi chứ không ai đánh người chạy lại"; nhân hoà với kẻ thù khi họ đã khuất phục và thừa nhận quyền độc lập của dân tộc là điều được lặp lại nhiều lần trong lịch sử chống và chiến thắng ngoại xâm của dân tộc ta.

Đặc biệt, truyền thống ứng xử trong các mối quan hệ xã hội giữa người với người, giữa người với cộng đồng, giữa cộng đồng này với cộng đồng khác trong nội bộ dân tộc hay giữa toàn dân tộc với bên ngoài, người dân Việt Nam đã khái quát nên phương châm ứng xử "thấu tình đạt lý", hoặc như Hồ Chí Minh căn dặn sống với nhau phải "có lý có tình". Điều này phân biệt người Việt Nam với những cộng đồng nào thái quá trong sự đua tranh thắng thua ở xã hội hiện đại.

Nếu không trải qua lịch sử đấu tranh xã hội và chống chọi tự nhiên gay gắt và khắc nghiệt như cộng đồng dân tộc Việt Nam từ ngàn xưa cho tới hôm nay thì những sắc thái văn hoá đặc trưng ấy

không dễ gì đã có thể hình thành và định hình trong lễ sống cũng như phong cách sống của mỗi người và cả dân tộc. Trong bối cảnh mở cửa và hội nhập với khu vực và quốc tế ngày nay, những nét đẹp văn hoá truyền thống này đang bị đe dọa mai một bởi sự "xâm lăng văn hoá" (mà thực chất là phản văn hoá), cũng như bởi tác động của mặt tiêu cực trong nền kinh tế thị trường toàn cầu hoá đang ngày càng được gia tăng.

4. Sự đụng độ và đối thoại giữa các nền văn hoá

Tự nó, ngay trong mỗi nền văn hoá đã chứa đựng nghịch lý trong diễn trình định hình và trưởng thành của mình - như đã nói ở phần trên - giữa văn hoá và phản văn hoá. Điều đó đưa tới sự đụng độ giữa các bộ phận chủ thể khác nhau trong bản thân mỗi nền văn hoá. Sự đụng độ này trong không ít trường hợp đã đưa tới cảnh nổi da nẫu thịt, huynh đệ tương tàn, gây tang tóc, đau thương không chỉ đối với người đã chết, mà cho cả người sống khi họ có tấm lòng nhân ái, từ bi mang tâm nhân loại như Thích Ca, như I.Cantơ hay Hồ Chí Minh, v.v...

Nhưng, sự đụng độ văn hoá không chỉ diễn ra trong nội bộ một cộng đồng, mà đã từng diễn ra khốc liệt hơn, tang thương hơn giữa các cộng đồng người khác nhau. Cũng là cách khẳng định văn hoá của cộng đồng này thông qua việc xâm hại tới văn hoá của cộng đồng khác, nhất là khi cộng đồng chiến thắng đã tìm mọi cách đồng hoá hoặc xoá bỏ bằng vũ lực đối với cộng đồng chiến bại. Điều phản văn hoá tồi tệ này đã diễn ra nhiều nghìn năm và vẫn chưa dừng hôm nay. Mặc dù thế, cái đã xảy ra trong quá khứ thì có nguyên nhân chính đáng của nó. Còn cái đang diễn ra hôm nay lại đã không thể biện hộ được nếu xét từ góc nhìn triết học.

Cái đã qua có nguyên nhân hợp lý, bởi *trình độ sức mạnh* của con người đã đạt tới được thể hiện trong công cụ lao động, trong lực lượng sản xuất của xã hội nhìn chung là *còn khiêm tốn*, chỉ đủ giúp người ta làm chủ được tự nhiên và xã hội ở *tầm bộ phận mảnh đoạn*, chứ chưa đưa lại cho nhân loại khả năng thực tế làm chủ được đời sống của mỗi người và toàn xã hội với quy mô và tầm vóc toàn cầu. Chính tính chất mảnh đoạn, bộ phận rời rạc đó đã làm cho các cộng đồng người biệt lập nhau, và *đối lập nhau về mặt lợi ích* khi họ có nhu cầu mở rộng phạm vi sống của mình. Do vậy, chiến tranh giữa các cộng đồng dường như là lẽ đương nhiên.

Còn ngày nay, với sự phát triển của khoa học và công nghệ, nhân loại đã đạt tới *tầm làm chủ* trong tính chỉnh thể *trên quy mô toàn cầu*. Nhờ thế, lịch sử nhân loại đã trở thành lịch sử toàn thế giới. *Các lợi ích của loài người* với tư cách thực hiện bản chất Người đã *thống nhất trên quy mô nhân loại toàn cầu*. Do đó, cái thế giới thứ hai như là *thế giới văn hoá* của con người cũng chỉ có thể tồn tại và phát triển *theo quy mô toàn cầu tương xứng*. Nhưng, nếu như xã hội chỉ có thể được hợp thành từ những con người cá thể thì nhân loại cũng chỉ có thể trở thành bản thân mình với tư cách loài người theo quy mô toàn cầu, khi nó được hợp thành từ các cộng đồng người khác nhau đang tồn tại trên Trái Đất này. Vậy mà mỗi cộng đồng riêng lẻ lại đã định hình và sống bằng phương thức văn hoá truyền thống riêng của mình, cho nên để cùng hợp thành với các cộng đồng khác tạo ra nhân loại hiện đại có tầm vóc toàn cầu thì điều tất yếu là từng cộng đồng, *một mặt*, phải giữ cái bản sắc riêng của mình; *mặt khác*, lại phải mở đón những nét khác biệt từ phía các cộng đồng khác. Điều này làm nên *tính tất yếu của sự đối thoại và*

giao lưu giữa các nền văn hoá trong đời sống nhân loại toàn cầu hôm nay. "Một người đâu phải nhân gian!". Cũng như thế, không một cộng đồng nào, dù nhỏ hay lớn, dù ở Đông bán cầu hay ở Tây bán cầu, lại có thể hoặc có quyền được tự mình trở thành toàn nhân loại trong thế giới hiện đại mà không đếm xỉa tới hoặc không cần sự góp mặt của tất cả các cộng đồng khác đang tồn tại trên Trái Đất này. Tiếc thay, chân lý hiển nhiên và đơn giản ấy lại đang bị những thế lực cực đoan, vụ lợi xéo lên, muốn dùng sức mạnh khuyếch trương những quan niệm và lối sống thích hợp với họ, rồi áp đặt, ép buộc các cộng đồng khác, các dân tộc khác phải chấp nhận và sống theo quan niệm và lối sống đó; trong trường hợp ngược lại, nếu sống không giống với quan niệm và lối sống của họ thì lập tức bị vu cho là "vi phạm nhân quyền" và bị đe dọa xoá bỏ bằng sức mạnh vũ lực hoặc buộc phải chết yểu trong cấm vận và bao vây kinh tế. Trong thời đại ngày nay, cách ứng xử như thế thực sự không còn bất cứ một lý do nào có thể biện hộ được, và trước sau tất yếu cũng bị nhân loại tiến bộ tẩy chay như tẩy chay một hiện tượng phản văn hoá trong xã hội văn hoá hôm nay!

Con người là động vật xã hội. Để xã hội tồn tại và phát triển được, thì những con người trong cộng đồng *phải được tổ chức lại* với nhau theo cách xác định, giúp cho mỗi người và cả cộng đồng có được sức mạnh lớn hơn để vượt qua những trở ngại trong việc thực hiện nhu cầu sống của bản thân; thiếu tổ chức thì con người và xã hội không có sức mạnh. Do vậy, có thể nói, tổ chức là một trong những đặc trưng cơ bản của xã hội loài người. Tầm vóc của tổ chức quy định tầm vóc của sức mạnh mà nhân loại có thể có được. Ngày nay, cái tầm vóc ấy phải là *tầm vóc thống nhất toàn cầu*

thể hiện trong việc tổ chức được tất cả các cộng đồng dân tộc đang sống trên Trái Đất này thành một chỉnh thể thống nhất, có liên hệ nội tại với nhau, có quy định và ràng buộc lẫn nhau, nương dựa vào nhau để tồn tại và phát triển. Cũng vì thế, theo tiến trình tự nhiên của sự vận động lịch sử xã hội hiện đại, các cộng đồng khác nhau sẽ *tự lựa chọn cho mình* những yếu tố nào vốn là xa lạ với bản chất truyền thống *nhưng lại là yếu tố cần thiết* cho sự tồn tại và phát triển *hôm nay* của mình trong xu thế mở cửa, hội nhập toàn cầu hoá. Và, cũng tất yếu như thế, tự nó, một cách tự nhiên, những sắc thái bản chất nào tuy đã được định hình và lưu giữ trong truyền thống, nhưng không còn thích hợp như một yếu tố cấu thành của đời sống nhân loại hôm nay, thì nó sẽ từ từ, chậm rãi nhưng tất yếu được các cộng đồng tự loại bỏ. Đồng thời với quá trình hai mặt - tiếp biến và loại bỏ trên đây, tiến trình vận động, mở rộng và phong phú hoá *thực thể văn hoá trên quy mô nhân loại toàn cầu* với tư cách *cái định hình và thể hiện bản chất người của con người hiện đại* sẽ diễn ra với nhịp độ ngày càng gia tăng, và nhờ thế, *tính thống nhất văn hoá trong tâm vóc nhân loại toàn cầu* sẽ được khẳng định ngày càng rõ nét. Đó chính là bức tranh tương lai tất yếu của tiến trình đối thoại và hoà hợp giữa các nền văn hoá và văn minh. Cũng nhờ thế mà ước mơ "tứ hải giai huynh đệ", tuy đã có từ ngàn xưa trong suy tưởng của con người, thì *chỉ hôm nay*, một cách tất yếu, mới dần trở thành *hiện thực*, dù cho có *phải đi chậm rãi*, dù phải *trải qua những khúc quanh dài* nhưng chắc chắn, *trong đời sống của nhân loại đang toàn cầu hoá*. Đó chính là *sứ mệnh của tiến trình đối thoại và hoà hợp văn hoá* đang diễn ra hôm nay. □